

Số: 77/2019/QĐST-DS

N, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 218/2019/TLST-DS ngày 01-08-2019.

**XÉT THẤY:**

- Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật; không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

I/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T

Địa chỉ: đường P, P. A, Q. N, TP. C.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Việt T (*Theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2019*).

Địa chỉ: Số 132/130 Hùng Vương, P. Thới Bình, Q. N, TP. C.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Nhật Q

Địa chỉ: Số 9E, tổ 6, Kv.4, P. An Bình, Q. N, TP. C.

2. Ông Trần Thanh H

3. Bà Huỳnh N

Cùng địa chỉ: Số 89F5, tổ 3, Kv.6, P. A, Q. N, TP. C.

4. Ông Nguyễn Hoàng T

Địa chỉ: Số 35/18 đường P, P. T, Q. N, TP. C.

5. Bà Trương Lê Ngọc T

Địa chỉ: đường C, P. C, Q. N, TP. C.

6. Ông Trần Văn D

7. Bà Nguyễn Thị T

Cùng địa chỉ: Số 112/22, Kv.6, P. A, Q. N, TP. C.

*Đại diện theo ủy quyền cho các bị đơn ông Quang, ông Hiền, bà Như, ông Trọng, bà Trâm, ông Dân và bà Thảo: Ông Liêu Theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2019).*

Địa chỉ: đường M, P. A, Q. N, TP. C.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bị đơn là ông Nguyễn Nhật Q được quyền sử dụng diện tích đất là 16,5m<sup>2</sup>, thửa đất 103<sup>1</sup>, tờ bản đồ số 69, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực 6, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 593578 do UBND quận N cấp ngày 15/01/2016 (kèm theo bản trích đo địa chính số 112/TTKTTNMT ngày 06/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ông Nguyễn Nhật Q được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất theo quy định.

2.2 Bị đơn là bà Trương Lê Ngọc T được quyền sử dụng diện tích đất là 22.9m<sup>2</sup> thửa đất 103, tờ bản đồ số 69, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực 6, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 593578 do UBND quận N cấp ngày 15/01/2016 (kèm theo bản trích đo địa chính số 112/TTKTTNMT ngày 06/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Trương Lê Ngọc T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất theo quy định.

2.3 Bị đơn là ông Trần Thanh H và bà Huỳnh N được quyền sử dụng diện tích đất là 16,5m<sup>2</sup> thửa đất 103<sup>2</sup> và diện tích 16,5m<sup>2</sup> thửa đất 103<sup>3</sup> tờ bản đồ số 69, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực 6, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 593578 do UBND quận N cấp ngày 15/01/2016 (kèm theo bản trích đo địa chính số 112/TTKTTNMT ngày 06/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ông Trần Thanh H và bà Huỳnh N được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất theo quy

định.

2.4 Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng T được quyền sử dụng diện tích đất là 13,2m<sup>2</sup> thửa đất 103<sup>4</sup>, tờ bản đồ số 69, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực 6, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 593578 do UBND quận N cấp ngày 15/01/2016 (kèm theo bản trích đo địa chính số 112/TTKTTNMT ngày 06/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ông Nguyễn Hoàng T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

2.5 Bị đơn là ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất là 13,2m<sup>2</sup> thửa đất 103<sup>5</sup>, tờ bản đồ số 69, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực 6, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 593578 do UBND quận N cấp ngày 15/01/2016 (kèm theo bản trích đo địa chính số 112/TTKTTNMT ngày 06/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

2.6 Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Minh T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp xong.

2.7 Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Minh T tự nguyện chịu 617.500 đồng (*Sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí sơ thẩm. Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 001581 ngày 31/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận N thành phố Cần Thơ. Ông Trần Minh T phải nộp thêm 317.500 đồng (*Ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N  
THẨM PHÁN**

\* **Nơi gửi:**

- TAND TP. Cần thơ;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. NK;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Quốc Sử**